

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng
các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội thông quan ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt dự toán công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 189/TTr-QLĐT ngày 26 tháng 5 năm 2017 của phòng Quản lý đô thị (kèm theo hồ sơ); của phòng Tài chính-KH tại báo cáo số: 25/BCTĐ-TCKH ngày 28/6/2017 về việc báo cáo thẩm định quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn.

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn.

- Địa điểm xây dựng: Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Thời gian khởi công thực tế: 5/11/2016.

- T/gian hoàn thành thực tế: 5/12/2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1-Nguồn vốn đầu tư:



Đơn vị: đồng

| Nguồn vốn | Được duyệt | Thực hiện | |
|----------------------|--------------------|---------------|---------------------|
| | | Đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Tổng số | 238.904.060 | 0 | 238.904.060 |
| Kiến thiết thị chính | 238.904.060 | 0 | 238.904.060 |

2-Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán duyệt | Chi phí được quyết toán |
|------------------|--------------------|-------------------------|
| Tổng số | 282.383.403 | 238.904.060 |
| Chi phí xây dựng | 212.606.257 | 200.891.000 |
| Chi phí QLDA | 4.802.775 | |
| Chi phí TVĐTXD | 42.413.060 | 38.013.060 |
| Chi phí khác | 9.114.482 | |
| Dự phòng | 13.446.829 | |

3-Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình: 0 đồng

4-Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Thuộc Chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|---------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số | | | 238.904.060 | |
| 1. Tài sản cố định | | | 238.904.060 | |
| 2. Tài sản lưu động | | | | |

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1-Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Được phép tất toán nguồn chi phí công trình là:

| Nguồn vốn | Số tiền (đ) | Ghi chú |
|----------------------|--------------------|---------|
| Tổng số | 238.904.060 | |
| Kiến thiết thị chính | 238.904.060 | |

Tổng các khoản nợ tính đến ngày 26/5/2017 là: 238.904.060 đ.

***Các khoản phải thu: 0 đ.**

***Các khoản phải trả: 238.904.060 đ.**

| | | |
|---|-------------|---|
| - Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bim Sơn | 200.891.000 | đ |
| - Công ty cổ phần NITCOM | 38.013.060 | đ |

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Đơn vị: đồng

| Đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản cố định | Tài sản lưu động |
|--|--------------------|------------------|
| Tổng số | 238.904.060 | 0 |
| Công ty CP môi trường và công trình đô thị Bim Sơn | 238.904.060 | 0 |

3. Trách nhiệm của đơn vị, cơ quan có liên quan: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Hạch toán theo các chế độ quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã, trưởng các phòng QLĐT, Tài chính-KH, Giám đốc Công ty CP môi trường và công trình đô thị Bim Sơn và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCKH.



Tổng Thanh Bình

Số: 25/BCTĐ-TCKH

Bỉm Sơn, ngày 28 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến
đường khu phố 8 phường Đông Sơn**

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm sơn

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/4/2016 của Bộ Tài chính về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ hồ sơ quyết toán kèm theo Tờ trình số 189/TTr-QLĐT ngày 26 tháng 5 năm 2017 của phòng Quản lý đô thị về việc quyết toán dự án hoàn thành công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

Sau khi thực hiện thẩm tra theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN:

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn.

Nguồn vốn: Kiến thiết thị chính.

Địa điểm xây dựng: Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian thực hiện dự án:

- Thời gian thực hiện theo hợp đồng: KC 05/11/2016, HT 05/12/2016.

- Thời gian thực tế thực hiện: KC 05/11/2016, HT 05/12/2016.

II. HỒ SƠ PHÁP LÝ:

1. Dự toán được duyệt:

- Quyết định số 5265/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt dự toán công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

Tổng dự toán được duyệt: 282.383.403 đồng.

Trong đó:

- | | |
|------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng : | 212.606.257,0 đồng |
| - Chi phí QLDA : | 4.802.775,0 đồng |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 42.413.060,0 đồng |

- Chi phí khác : 9.114.482,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 13.446.829,0 đồng

2. Kế hoạch đấu thầu và kết quả phê duyệt lựa chọn Nhà thầu:

- Hợp đồng số 15/2016/HĐXL-CT ngày 04/11/2016 giữa UBND thị xã Bim Sơn và Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bim Sơn về việc thi công công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

+ Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bim Sơn;

+ Giá trị trúng thầu: 212.600.000đ;

- Hợp đồng số 56/2016/HĐ-TVXD ngày 01/11/2016 giữa UBND thị xã Bim Sơn và Công ty cổ phần NITCOM về việc tư vấn khảo sát, lập BCKTKT công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn;

+ Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần NITCOM;

+ Giá trị trúng thầu: 38.013.060đ;

3. Các văn bản pháp lý có liên quan khác:

III. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Nguồn vốn đầu tư theo dự án phê duyệt:

Tổng số (Kiến thiết thị chính): 282.383.403 đồng

2. Kế hoạch vốn đã giao:

Tổng số: 282.383.403 đồng

3. Nguồn vốn đầu tư thực hiện:

Tổng số: 0 đồng

IV. CHI PHÍ ĐẦU TƯ:

1. Số liệu Chủ đầu tư đề nghị quyết toán:

Tổng số: 250.613.060,0 đồng.

- Chi phí xây dựng : 212.600.000,0 đồng
- Chi phí QLDA : 0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 38.013.060,0 đồng
- Chi phí khác : 0,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

2. Số liệu thẩm tra:

Tổng số: 238.904.060,0 đồng.

- Chi phí xây dựng : 200.891.000,0 đồng
- Chi phí QLDA : 0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 38.013.060,0 đồng

- Chi phí khác : 0,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng
- * Phân theo nguồn vốn: 238.904.060 đồng**
- Kiến thiết thị chính: 238.904.060 đồng

3. Chênh lệch tăng (+), giảm (-) qua thẩm tra:

- Tổng số: -11.709.000,0 đồng.**
- Chi phí xây dựng : -11.709.000,0 đồng
- Chi phí QLDA : 0,0 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 0,0 đồng
- Chi phí khác : 0,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 0,0 đồng

(Chi tiết có phụ lục số liệu kèm theo)

V. CHI PHÍ ĐẦU TƯ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ TÀI SẢN: 0 đồng

VI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN BÀN GIAO CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG:

1. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: 238.904.060,0 đồng

- Tài sản cố định: 238.904.060,0 đồng
- Tài sản lưu động: 0,0 đồng

2. Giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng:

| Danh mục | Giá trị | Đơn vị QLSD |
|---|-------------------------|---|
| Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn | 238.904.060 đồng | Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bỉm Sơn |
| Tổng cộng | 238.904.060 đồng | |

VII. CÁC TỒN DỌNG YÊU CẦU GIẢI QUYẾT SAU KHI QUYẾT TOÁN:

1. Nguồn vốn đầu tư còn thiếu, yêu cầu cấp phát thanh toán tiếp:

- Tổng số: 238.904.060 đồng**
- Kiến thiết thị chính: 238.904.060 đồng

2. Công nợ:

- Các khoản phải trả: 238.904.060 đồng

| | |
|---|---------------|
| - Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bỉm Sơn | 200.891.000 đ |
| - Công ty cổ phần NITCOM | 38.013.060 đ |

- Các khoản phải thu: 0 đồng

VIII. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ:

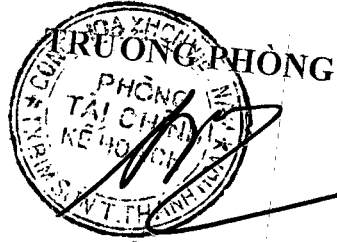
1. Hồ sơ báo cáo quyết toán lập đảm bảo các yêu cầu phục vụ công tác thẩm tra.

2. Hồ sơ pháp lý cơ bản chấp hành đúng các quy định, trình tự thủ tục quản lý đầu tư và các quy định hiện hành trong quá trình thực hiện dự án.
3. Công tác quản lý chi phí đầu tư cơ bản tuân thủ các định mức, đơn giá hiện hành và dự toán được phê duyệt.
4. Thời gian, tiến độ hoàn thành công trình đảm bảo so yêu cầu.

Đề nghị Chủ tịch UBND thị xã xem xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với những nội dung và số liệu đã báo cáo ở trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKH.



Tổng Văn Thọ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn
Chủ đầu tư: UBND thị xã Bỉm Sơn

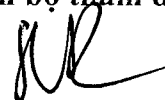
(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm tra ngày tháng năm 2016 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Bỉm Sơn)

Đơn vị: đồng

| Số | Hạng mục công trình | Dự toán duyệt | Giá trúng thầu | Giá trị QT của chủ đầu tư | Giá trị thẩm tra quyết toán | Số thẩm tra so với Báo cáo A-B | | |
|-----|-------------------------|---------------|----------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|
| | | | | | | Tổng số | Do khối lượng | Do giá và khác |
| | TỔNG SỐ | 282,383,403 | 212,600,000 | 250,613,060 | 238,904,060 | -11,709,000 | -1,477,000 | -10,232,000 |
| I | Chi phí xây dựng | 212,606,257 | 212,600,000 | 212,600,000 | 200,891,000 | -11,709,000 | -1,477,000 | -10,232,000 |
| II | Chi phí quản lý dự án | 4,802,775 | | 0 | 0 | | | |
| III | Chi phí tư vấn xây dựng | 42,413,060 | | 38,013,060 | 38,013,060 | | | |
| IV | Chi khác | 9,114,482 | | 0 | 0 | | | |
| V | Dự phòng | 13,446,829 | | 0 | 0 | | | |

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Cán bộ thẩm định



Lại Thế Chinh

Trưởng phòng



Tổng Văn Thọ

BẢNG TĂNG GIẢM GIÁ TRỊ ĐƠN GIÁ SO VỚI BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn

Chủ đầu tư: UBND thị xã Bim Sơn

(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm tra ngày tháng 7 năm 2015 của Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Bim Sơn)

Đơn vị: đồng

| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá | | | Thành tiền | Lý do |
|------------------|--------------------|--------|------------|--------------|-----------|------------|------------|-------|
| | | | | Trong QT A-B | Thẩm tra | Chênh lệch | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | |
| 14 | Đèn chiếu sáng | bộ | 3 | 3,089,900 | 1,953,050 | -1,136,850 | -3,410,550 | |
| 42 | Đèn chiếu sáng | bộ | 3 | 3,089,900 | 1,953,050 | -1,136,850 | -3,410,550 | |
| 74 | Đèn chiếu sáng | bộ | 3 | 3,089,900 | 1,953,050 | -1,136,850 | -3,410,550 | |

BẢNG TĂNG GIẢM GIÁ TRỊ DO KHỐI LƯỢNG SO VỚI BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố 8 phường Đông Sơn
(Phụ lục kèm theo báo cáo thẩm tra ngày tháng năm của Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Bim Sơn)

Đơn vị: đồng



| Số TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng | | | Đơn giá | Thành tiền | Lý do |
|-------|--|--------|--------------|----------|------------|---------|-------------------|-------|
| | | | Trong QT A-B | Thẩm tra | Chênh lệch | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | -1,477,435 | |
| 2 | Đào nền đường bằng máy đào bằng máy đào <=0,4m3, máy ủi <=110Cv, đất cấp | 100m3 | 0.209 | 0.152 | -0.057 | 532,880 | -30,214 | |
| 3 | Đào khuôn đường, rãnh thoát nước lòng đường, rãnh xương cá. Độ sâu <=30cm, đất cấp III | m3 | 2.318 | 1.688 | -0.630 | 646,824 | -407,499 | |
| 4 | Vận chuyển đất bằng ô tô 5 tấn tự đổ trong phạm vi <=1000m, đất cấp III | 100m3 | 0.262 | 0.169 | -0.093 | 479,268 | -44,629 | |
| 5 | Vận chuyển tiếp cự ly <=4km bằng ô tô tự đổ 5 tấn, đất cấp III | 100m3 | 0.262 | 0.169 | -0.093 | 593,094 | -55,229 | |
| 9 | Đào nền đường bằng máy đào bằng máy đào <=0,4m3, máy ủi <=110Cv, đất cấp | 100m3 | 0.194 | 0.146 | -0.048 | 459,583 | -22,253 | |
| 10 | Đào khuôn đường, rãnh thoát nước lòng đường, rãnh xương cá. Độ sâu <=30cm, đất cấp III | m3 | 2.155 | 1.617 | -0.538 | 601,340 | -323,521 | |
| 11 | Vận chuyển đất bằng ô tô 5 tấn tự đổ trong phạm vi <=1000m, đất cấp III | 100m3 | 0.198 | 0.162 | -0.036 | 361,967 | -13,049 | |
| 12 | Vận chuyển tiếp cự ly <=4km bằng ô tô tự đổ 5 tấn, đất cấp III | 100m3 | 0.198 | 0.162 | -0.036 | 447,934 | -16,148 | |
| 16 | Đào nền đường bằng máy đào bằng máy đào <=0,4m3, máy ủi <=110Cv, đất cấp | 100m3 | 0.301 | 0.235 | -0.066 | 459,583 | -30,277 | |

| | | | | | | | |
|----|--|-------------------|-------|-------|--------|---------|----------|
| 17 | Đào khuôn đường, rãnh thoát nước lòng đường, rãnh xương cá. Độ sâu ≤ 30 cm, đất cấp III | m ³ | 3.340 | 2.608 | -0.732 | 601,340 | -440,181 |
| 18 | Vận chuyển đất bằng ô tô 5 tấn tự đổ trong phạm vi ≤ 1000 m, đất cấp III | 100m ³ | 0.377 | 0.261 | -0.117 | 361,967 | -42,205 |
| 19 | Vận chuyển tiếp cự ly ≤ 4 km bằng ô tô tự đổ 5 tấn, đất cấp III | 100m ³ | 0.377 | 0.261 | -0.117 | 447,934 | -52,229 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

BẢNG ĐƠN GIÁ CHI TIẾT

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công cộng các tuyến đường khu phố



| ST T | Tên công tác | Đơn vị tính | Đơn giá | Hệ số | Thành tiền |
|---------|---|-------------|-----------|-------|------------------|
| 1 | Đèn chiếu sáng | | | | |
| | <i>Vật liệu</i> | | | | <i>1,675,000</i> |
| | - Chênh lệch giá vật liệu | | 1,675,000 | 1.000 | 1,675,000 |
| | Chi phí trực tiếp (VL + NC + M) | | | | 1,675,000 |
| | CHI PHÍ CHUNG (NC x 65%) | 65% | | | 0 |
| | THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (T + C) x 6% | 6.0% | | | 100,500 |
| | Chi phí xây dựng trước thuế (T + C + TL) | | | | 1,775,500 |
| | THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (G x 10%) | 10% | | | 177,550 |
| | Chi phí xây dựng sau thuế (G + | | | | 1,953,050 |
| | Tổng cộng (Gxd) | | | | 1,953,050 |